

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-29
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hữu Tuyền	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên	Nghỉ hưu từ ngày 01/01/2024
Ông Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên	
Ông Trần Hoàng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 17/04/2024

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hùng	Giám đốc	
Ông Lý Trường Sơn	Phó Giám đốc	
Ông Trần Hoàng	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/04/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên
Ông Phạm Minh Thuận	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024



Số:140824.008/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

T:(84) 24 3824 1990 | F:(84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		92.560.872.384	86.866.601.104
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.762.428.788	27.413.121.003
111	1. Tiền		33.762.428.788	27.413.121.003
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	54.600.000.000	54.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		54.600.000.000	54.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.585.958.827	3.861.119.059
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.417.698.632	1.020.709.350
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	736.054.975	334.810.881
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.432.205.220	2.505.598.828
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		612.484.769	992.361.042
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	612.484.769	754.619.446
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	237.741.596
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		46.736.169.379	48.032.049.874
220	II. Tài sản cố định		46.540.091.077	47.835.971.572
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	45.757.320.673	47.126.286.301
222	- Nguyên giá		189.242.485.965	186.477.598.770
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(143.485.165.292)	(139.351.312.469)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	782.770.404	709.685.271
228	- Nguyên giá		4.138.388.682	3.878.813.682
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.355.618.278)	(3.169.128.411)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	196.078.302	196.078.302
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		196.078.302	196.078.302
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		139.297.041.763	134.898.650.978

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		32.216.607.889	23.867.325.677
310	I. Nợ ngắn hạn		32.216.607.889	23.867.325.677
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	2.973.135.950	5.627.667.836
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	217.123.250	84.682.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	698.660.607	386.059.441
314	4. Phải trả người lao động		14.293.421.385	15.006.817.065
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.650.500.000	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	243.353.084	368.927.648
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.486.575.754	807.193.755
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.653.837.859	1.585.977.932
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		107.080.433.874	111.031.325.301
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	107.080.433.874	111.031.325.301
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.380.000.000	6.380.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.684.804.500	9.635.695.927
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.100.000.000	1.100.000.000
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.584.804.500	8.535.695.927
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		139.297.041.763	134.898.650.978

Loan

Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	66.545.144.497	61.868.723.280
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		66.545.144.497	61.868.723.280
11	4. Giá vốn hàng bán	21	56.310.267.158	53.759.436.999
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.234.877.339	8.109.286.281
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.400.592.754	1.510.626.378
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.326.909.162	4.179.329.315
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.308.560.931	5.440.583.344
31	11. Thu nhập khác	24	238.753.838	2.634.375
32	12. Chi phí khác	25	288.309.144	8.951.199
40	13. Lợi nhuận khác		(49.555.306)	(6.316.824)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.259.005.625	5.434.266.520
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Công ty		1.528.000.000	1.528.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Công ty		5.731.005.625	3.906.266.520
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	1.146.201.125	781.253.304
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.584.804.500	3.125.013.216
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	483	329
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-

Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.259.005.625	5.434.266.520
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.369.392.690	4.037.670.320
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.423.740.902)	(1.501.675.179)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.204.657.413	7.970.261.661
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.239.840.695)	715.729.336
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(286.800.804)	5.110.887.199
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		142.134.677	5.977.500
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.271.525.536)	(900.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.292.836.000)	(472.977.660)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.255.789.055	12.429.878.036
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.073.512.195)	(1.593.985.090)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		23.148.148	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(32.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	25.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.153.335.277	1.182.006.578
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		102.971.230	(7.411.978.512)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.452.500)	(21.717.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.452.500)	(21.717.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.349.307.785	4.996.182.524
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		27.413.121.003	28.992.889.575
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		33.762.428.788	33.989.072.099

Vũ Thị Loan
Người lậpThạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởngPhạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 95.000.000.000 VND; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 363 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 375 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Bến xe Gia Lâm	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe
- Bến xe Mỹ Đình	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe
- Bến xe Giáp Bát	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành. Thời hạn hợp đồng được gia hạn đến 31/12/2024.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 01 đến 02 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	72.891.474	727.399.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.797.052.311	25.755.371.225
Tiền đang chuyển	892.485.003	930.350.278
	<u>33.762.428.788</u>	<u>27.413.121.003</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	54.600.000.000	-	54.600.000.000	-
	54.600.000.000	-	54.600.000.000	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị là 54.600.000.000 VNĐ được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,6%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	601.635.250	-	635.320.000	-
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	28.380.000	-	29.092.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	48.798.000	-	63.549.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	138.319.000	-	155.547.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	56.783.000	-	66.481.000	-
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	63.227.000	-	74.537.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	10.260.000	-	11.160.000	-
Trung tâm Tân Đạt	44.148.000	-	44.089.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	16.794.000	-	13.590.000	-
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	15.057.000	-	23.841.000	-
Trung tâm Điều hành xe buýt	1.559.250	-	294.000	-
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	178.310.000	-	153.140.000	-

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

<i>Bên khác</i>	816.063.382	-	385.389.350	-
Công ty Cổ phần Vận tải Futa Hà Sơn - Chi nhánh Hà Nội	281.793.034	-	15.004.500	-
Công ty Cổ phần Xe khách Bắc Giang	175.515.000	-	180.250.000	-
Các khách hàng khác	358.755.348	-	190.134.850	-
	<u>1.417.698.632</u>	<u>-</u>	<u>1.020.709.350</u>	<u>-</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>	736.054.975	-	334.810.881	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ Môi trường Quang Minh	93.000.000	-	65.928.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Quảng cáo Bách Hợp	-	-	87.500.000	-
Công ty Cổ phần VIWACO	75.630.000	-	75.630.000	-
Công ty Cổ phần Phần mềm quản trị doanh nghiệp	271.509.375	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Công nghệ Thông Minh	94.517.600	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	201.398.000	-	105.752.881	-
	<u>736.054.975</u>	<u>-</u>	<u>334.810.881</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	690.037.950	-	2.442.780.473	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	334.332.235	-	8.595.334	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	231.135.339	-	8.224.281	-
Tạm ứng	120.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	18.000.000	-
Phải thu khác	38.699.696	-	27.998.740	-
	1.432.205.220	-	2.505.598.828	-
a2) Chi tiết theo đối tượng				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hoàn Kiếm	690.037.950	-	2.442.780.473	-
Bà Vũ Thị Ngọc Hà	100.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	642.167.270	-	62.818.355	-
	1.432.205.220	-	2.505.598.828	-

8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	196.078.302	196.078.302
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình (*)	196.078.302	196.078.302
	196.078.302	196.078.302

(*) Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 30/06/2024, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2209/QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án. Công ty sẽ triển khai thực hiện trong thời gian thích hợp và phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

9 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu kỳ	164.254.726.500	2.883.831.509	6.385.806.609	12.953.234.152	186.477.598.770					
- Mua trong kỳ	1.118.147.250	-	864.904.545	830.885.400	2.813.937.195					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(49.050.000)	-	-	(49.050.000)					
Số dư cuối kỳ	165.372.873.750	2.834.781.509	7.250.711.154	13.784.119.552	189.242.485.965					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	121.138.454.872	1.403.261.428	6.030.748.528	10.778.847.641	139.351.312.469					
- Khấu hao trong kỳ	3.371.048.337	169.159.350	130.365.251	512.329.885	4.182.902.823					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(49.050.000)	-	-	(49.050.000)					
Số dư cuối kỳ	124.509.503.209	1.523.370.778	6.161.113.779	11.291.177.526	143.485.165.292					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu kỳ	43.116.271.628	1.480.570.081	355.058.081	2.174.386.511	47.126.286.301					
Tại ngày cuối kỳ	40.863.370.541	1.311.410.731	1.089.597.375	2.492.942.026	45.757.320.673					
<i>Trong đó:</i>										
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 58.539.958.699 VND.										

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	457.965.000	3.420.848.682	3.878.813.682
- Mua trong kỳ	-	259.575.000	259.575.000
Số dư cuối kỳ	457.965.000	3.680.423.682	4.138.388.682
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	457.965.000	2.711.163.411	3.169.128.411
- Khấu hao trong kỳ	-	186.489.867	186.489.867
Số dư cuối kỳ	457.965.000	2.897.653.278	3.355.618.278
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	709.685.271	709.685.271
Tại ngày cuối kỳ	-	782.770.404	782.770.404

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.917.853.682 VNĐ.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	612.484.769	754.619.446
	612.484.769	754.619.446

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	2.973.135.950	2.953.155.950	5.627.667.836	5.627.667.836
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG	-	-	1.112.108.000	1.112.108.000
Công ty CP Phần mềm quản trị doanh nghiệp	-	-	292.452.000	292.452.000
Công ty CP Kinh doanh dịch vụ Quản lý Bất động sản Homecare	147.852.000	147.852.000	127.764.000	127.764.000
Công ty TNHH Tân Nam Thanh	-	-	1.576.630.374	1.576.630.374
Công ty CP Xây dựng Thương mại Thái Nam	444.908.000	444.908.000	-	-
Đối tượng khác	2.380.375.950	2.360.395.950	2.518.713.462	2.518.713.462
	2.973.135.950	2.953.155.950	5.627.667.836	5.627.667.836

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyễn Thị Loan	-	64.280.000
Công ty TNHH Quảng cáo Tiến Thành	185.939.250	-
Đối tượng khác	31.184.000	20.402.000
	217.123.250	84.682.000

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		103.654.055		3.816.080.942		3.700.381.120		-		219.353.877	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		260.437.235		1.313.826.661		1.271.525.536		-		302.738.360	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		21.968.151		217.850.576		230.910.591		-		8.908.136	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	237.741.596		-		2.016.471.093		1.611.069.263		-		167.660.234	
Các loại thuế khác	-		-		6.000.000		6.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		68.689.353		68.689.353		-		-	
	237.741.596		386.059.441		7.438.918.625		6.888.575.863		-		698.660.607	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Trích trước chi phí sửa chữa	2.946.000.000	-
- Trích trước chi phí đồng phục	704.500.000	-
	3.650.500.000	-

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	241.517.777	359.482.408
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	1.835.307	9.445.240
	243.353.084	368.927.648

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	125.028.001	114.189
- Bảo hiểm xã hội	82.456.740	-
- Bảo hiểm y tế	488.087.912	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	303.793.000	493.138.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.472.344.020	306.796.520
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.866.081	7.145.046
	7.486.575.754	807.193.755

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000		15.629.374		6.380.000.000		7.874.094.764		109.269.724.138
Lãi trong kỳ trước	-		-		-		3.125.013.216		3.125.013.216
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		(6.774.094.764)		(6.774.094.764)
Số dư cuối kỳ trước	95.000.000.000		15.629.374		6.380.000.000		4.225.013.216		105.620.642.590
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000		15.629.374		6.380.000.000		9.635.695.927		111.031.325.301
Lãi trong kỳ này	-		-		-		4.584.804.500		4.584.804.500
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		(8.535.695.927)		(8.535.695.927)
Số dư cuối kỳ này	95.000.000.000		15.629.374		6.380.000.000		5.684.804.500		107.080.433.874

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng số 243 NQ/ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	9.635.695.927
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	142.500.000
Chi trả cổ tức (bằng 6.5% vốn điều lệ)	2.218.195.927
Lợi nhuận chưa phân phối	6.175.000.000
	1.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,057	63.704.000.000	67,057	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,356	15.538.440.000	16,356	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,587	15.757.560.000	16,587	15.757.560.000
	<u>100</u>	<u>95.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>95.000.000.000</u>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm		
	2024	2023		
	VND	VND		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>95.000.000.000</u>	<u>95.000.000.000</u>		
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>95.000.000.000</u>	<u>95.000.000.000</u>		
Cổ tức, lợi nhuận:				
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	306.796.520	293.876.520		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	6.175.000.000	4.750.000.000		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	6.175.000.000	4.750.000.000		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(9.452.500)	(21.717.000)		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(9.452.500)	(21.717.000)		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>6.472.344.020</u>	<u>5.022.159.520</u>		
d) Cổ phiếu				
	30/06/2024	01/01/2024		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.500.000	9.500.000		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000		
e) Các quỹ công ty				
	30/06/2024	01/01/2024		
	VND	VND		
Quỹ đầu tư phát triển	6.380.000.000	6.380.000.000		
	<u>6.380.000.000</u>	<u>6.380.000.000</u>		
19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG				
a) Tài sản cho thuê ngoài				
Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:				
	30/06/2024	01/01/2024		
	VND	VND		
- Từ 1 năm trở xuống	241.517.777	359.482.408		
	<u>241.517.777</u>	<u>359.482.408</u>		

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 20 Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm; số 9 Ngô Gia Khảm, Quận Long Biên và lô đất tại Bến xe Giáp Bát, Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi	51.021.426.358	48.389.914.024
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	15.523.718.139	13.478.809.256
	<u>66.545.144.497</u>	<u>61.868.723.280</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	<u>3.063.480.798</u>	<u>3.254.635.381</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bến bãi đã cung cấp	44.080.267.158	42.005.436.999
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	12.230.000.000	11.754.000.000
	<u>56.310.267.158</u>	<u>53.759.436.999</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	<u>45.697.112</u>	<u>54.495.944</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.400.592.754	1.510.626.378
	<u>1.400.592.754</u>	<u>1.510.626.378</u>

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.395.909	46.885.000
Chi phí nhân công	3.318.983.315	3.114.355.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.884.686	646.021.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.271.260	52.805.114
Chi phí khác bằng tiền	403.373.992	319.261.982
	<u>4.326.909.162</u>	<u>4.179.329.315</u>

24 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	23.148.148	-
Tiền phạt thu được	3.000.000	-
Duy trì bày bán sản phẩm	197.222.222	-
Thu nhập khác	15.383.468	2.634.375
	238.753.838	2.634.375

25 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Phạt thuế	288.309.144	-
Chi phí khác	-	8.951.199
	288.309.144	8.951.199

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.731.005.625	3.906.266.520
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.731.005.625	3.906.266.520
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.146.201.125	781.253.304
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế kỳ này	167.625.536	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	260.437.235	277.384.521
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.271.525.536)	(900.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	302.738.360	158.637.825

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.584.804.500	3.125.013.216
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.584.804.500	3.125.013.216
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	483	329

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	994.262.347	633.407.913
Chi phí nhân công	28.827.283.685	26.807.391.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.369.392.690	4.037.670.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.367.998.920	17.118.939.236
Chi phí khác bằng tiền	11.078.238.678	9.341.357.715
	60.637.176.320	57.938.766.314

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.689.537.314	-	-	33.689.537.314
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.849.903.852	-	-	2.849.903.852
Các khoản cho vay	54.600.000.000	-	-	54.600.000.000
	91.139.441.166	-	-	91.139.441.166

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản trong đương tiền	26.685.721.503	-	-	26.685.721.503
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.526.308.178	-	-	3.526.308.178
Các khoản cho vay	54.600.000.000	-	-	54.600.000.000
	84.812.029.681	-	-	84.812.029.681

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	10.459.711.704	-	-	10.459.711.704
Chi phí phải trả	3.650.500.000	-	-	3.650.500.000
	14.110.211.704	-	-	14.110.211.704
Tại ngày 01/01/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.434.861.591	-	-	6.434.861.591
	6.434.861.591	-	-	6.434.861.591

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Trung tâm Tân Đạt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Điều hành xe buýt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	Cổ đông lớn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	3.063.480.798	3.254.635.381
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	3.490.277	3.440.909
Trung tâm Tân Đạt	306.155.555	299.349.072
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	188.695.371	189.302.896
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	234.868.521	401.053.328
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	329.016.667	414.920.608
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	919.571.300	870.270.775
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	136.250.000	130.266.516
Trung tâm Điều hành xe buýt	3.611.805	2.636.363
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	428.929.633	417.411.814
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	456.350.002	467.826.735
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	56.541.667	58.156.365
Mua tài sản, dịch vụ	45.697.112	54.495.944
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	27.086.000	18.041.400
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	18.611.112	36.454.544
Phân chia lợi nhuận trước thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.528.000.000	1.528.000.000
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	1.528.000.000	1.528.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm	
	2024	2023	
	VND	VND	
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Vũ Hữu Tuyên	Chủ tịch HĐQT	59.000.000	24.000.000
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT, Giám đốc	352.600.000	240.064.000
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc - (Nghỉ hưu từ ngày 01/01/2024)	-	224.361.600
Ông Lý Trường Sơn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2023)	278.800.000	-
Ông Trần Hoàng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2024)	232.635.200	-
Thu nhập của các thành viên Ban kiểm soát		358.292.600	257.890.300

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.



Vũ Thị Loan
Người lập



Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

